

Số: 379/QĐ-UBND

Kiến Xương, ngày 15 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách
xã Kiến Xương quý I năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN XƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ vào Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP;

Căn cứ vào Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Xương khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ Ba về việc phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu chi ngân sách xã năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Xương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý I năm 2026

(Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Phòng Văn hóa - xã hội xã thực hiện công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2026 trên cổng thông tin điện tử của xã theo quy định.



Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội, Trưởng phòng kinh tế và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Huy



THUYẾT MINH SỐ LIỆU THỰC HIỆN
DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH XÃ KIẾN XƯƠNG QUÝ I NĂM 2026
(Kèm theo quyết định số 70Đ-UBND ngày 14/2026 của UBND xã Kiến Xương)

Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã 03 tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước. Ủy ban nhân dân xã Kiến Xương công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã quý I năm 2026 như sau:

I. Ước thực hiện thu ngân sách xã quý 1 năm 2026:	195.077.815.078 đồng
đạt 48,4% so với dự toán năm 2026	
<i>Trong đó:</i>	
1. Thu trên địa bàn:	4.517.565.853 đồng
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	158.704.600.000 đồng
3. Thu chuyển nguồn NS năm trước:	31.855.649.225 đồng
II. Ước thực hiện chi ngân sách xã quý 1 năm 2026:	86.608.153.491 đồng
đạt 21,5% so với dự toán năm 2026	
<i>Trong đó:</i>	
1. Chi đầu tư phát triển:	7.831.685.000 đồng
2. Chi thường xuyên:	78.776.468.491 đồng

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026**

(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Kiến Xương)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện quý I/2026	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ THU	402.862.000.000	195.077.815.078	48,4%
1	Các khoản thu trên địa bàn	71.949.000.000	4.517.565.853	6,3%
2	Thu bổ sung	330.913.000.000	158.704.600.000	48,0%
-	Bổ sung cân đối	238.916.000.000	59.730.000.000	25,0%
-	Bổ sung có mục tiêu	91.997.000.000	98.974.600.000	107,6%
3	Thu chuyển nguồn		31.855.649.225	
	TỔNG SỐ CHI	402.862.000.000	86.608.153.491	21,5%
1	Chi đầu tư phát triển	61.200.000.000	7.831.685.000	12,8%
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	304.055.000.000	78.776.468.491	25,9%
3	Dự phòng	6.219.000.000		
4	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2026 TỪ NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	31.388.000.000		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026
(Kèm theo quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Kiến Xương)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	444.482.000.000	402.862.000.000	211.248.357.672	195.077.815.078	47.53	48.42
I	Các khoản thu hưởng 100%			3.049.345.561	429.556.672		
	Các loại phí, lệ phí	300.000.000	300.000.000	119.619.500	27.844.000	39.87	9.28
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	115.000.000	115.000.000			0	0
	Thu tiền phạt			321.526.968	226.000.000		
	Thu tịch thu						
	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
	Thu khác còn lại			2.608.199.093	175.712.672		
II	Các khoản thu thu phân chia theo tỉ lệ %			12.138.762.886	4.088.009.181		
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo Trung ương quản lý			291.895.764			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			66.221.403			
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.080.000.000	3.080.000.000	3.221.830.549	453.140.149	104.6	14.71
	Thuế thu nhập cá nhân	6.950.000.000	2.150.000.000	2.444.445.802	429.733.278	35.17	19.99
	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện						
	Lệ phí trước bạ	11.800.000.000	3.780.000.000	2.286.905.041	859.260.720	19.38	22.73
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	409.000.000	409.000.000	17.975.038	17.975.038	4.39	4.39
	Thu tiền cho thuê đất, thuế mặt nước	355.000.000	355.000.000	389.812.827		109.81	0
	Thu tiền sử dụng đất	90.000.000.000	61.200.000.000	3.411.801.462	2.320.024.996	3.79	3.79
	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển						
	Thu chênh lệch tỷ giá ngoại tệ						
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
	Thu hồi các khoản chi năm trước						
	Thu tiền bán hàng hóa, vật tư dự trữ						
	Thu tiền cho thuê, bán tài sản khác			7.875.000	7.875.000		
	Lãi thu từ các khoản tham gia góp vốn của nhà nước						
	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN						
III	Thu Viện trợ			31.855.649.225	31.855.649.225		
D	Thu chuyển nguồn						
E	Thu kết dư ngân sách						
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	330.913.000.000	330.913.000.000	158.704.600.000	158.704.600.000	47.96	47.96
1	Bổ sung cân đối	238.916.000.000	238.916.000.000	59.730.000.000	59.730.000.000	25	25
2	Bổ sung có mục tiêu	91.997.000.000	91.997.000.000	98.974.600.000	98.974.600.000	107.58	107.58

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026
(Kèm theo quyết định số **04/2026** của UBND ngày **14/2026** của UBND xã Kiến Xương)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán			Ước thực hiện Quý I			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
		402.862.000.000	61.200.000.000	341.662.000.000	86.608.153.491	7.831.685.000	78.776.468.491	21%	13%	23%
	TỔNG CHI									
	<i>Trong đó</i>									
1	Chi giáo dục	190.590.000.000	61.200.000.000	129.390.000.000	28.980.657.963	2.000.000.000	26.980.657.963	15%	3%	21%
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	1.476.000.000		1.476.000.000	15.000.000		15.000.000	1%		1%
3	Chi y tế	22.263.000.000		22.263.000.000	7.408.292.811		7.408.292.811	33%		33%
4	Chi văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, phát thanh, truyền thanh	4.060.000.000		4.060.000.000	13.200.000		13.200.000	0%		0%
5	Chi bảo vệ môi trường	2.285.000.000		2.285.000.000	252.276.936		252.276.936	11%		11%
6	Chi các hoạt động kinh tế	9.980.000.000		9.980.000.000	6.933.231.354	5.600.000.000	1.333.231.354	69%		13%
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.351.700.000		29.351.700.000	10.985.720.327	231.685.000	10.754.035.327	37%		37%
8	Chi cho công tác xã hội	92.986.300.000		92.986.300.000	30.414.197.000		30.414.197.000	33%		33%
9	Chi quốc phòng	1.000.000.000		1.000.000.000	610.730.800		610.730.800	61%		61%
10	Chi an ninh	90.000.000		90.000.000	994.846.300		994.846.300	1105%		1105%
11	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật	11.173.000.000		11.173.000.000						
B	Các nhiệm vụ chi khác	31.388.000.000		31.388.000.000						
C	Dự phòng ngân sách	6.219.000.000		6.219.000.000						